

Bản án số: 139/2026/HNGĐ-ST

Ngày: 30/6/2026

V/v tranh chấp: “Ly hôn, nuôi con chung”

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 8 – HẢI PHÒNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Trần Thị Nhan .

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Dương Thị Kim Hồng và bà Lê Thị Thanh Vân

Thư ký ghi biên bản phiên tòa: Bà Nguyễn Hoàng Phương – Thư ký Tòa án nhân dân khu vực 8 – Hải Phòng.

Ngày 30 tháng 6 năm 2026, tại trụ sở, Tòa án nhân dân khu vực 8 – Hải Phòng xét xử sơ thẩm công khai vụ án Hôn nhân và gia đình thụ lý số: 519/2026/TLST- HNGĐ ngày 02 tháng 6 năm 2026 về tranh chấp: “Ly hôn, nuôi con chung” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 129/2026/QĐXXST- HNGĐ ngày 15/6/2026, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị Tăng Thị P, sinh năm 1990; CCCD số 030190014674; ĐKKHKT: Tổ dân phố P, phường T, thành phố Hải Phòng; Ở hiện nay: Đài Loan.

Người đại diện theo ủy quyền và bảo vệ quyền lợi ích hợp pháp cho chị P: Ông Nguyễn Thanh H – Luật sư văn phòng L2 – Đoàn luật sư H2. Địa chỉ: Khu A, phường T, thành phố Hải Phòng.

- Bị đơn: Anh Đàm Văn L, sinh năm 1974, CCCD số 030074009150; ĐKKHKT: Tổ dân phố P, phường T, thành phố Hải Phòng.

Đều vắng mặt tại phiên tòa.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn xin ly hôn, bản tự khai nguyên đơn chị Tăng Thị Phương trình B: Chị và anh Đàm Văn L được tự do tìm hiểu một thời gian thì cưới, có đăng ký kết hôn tại UBND xã T, thành phố H (nay là phường T, thành phố Hải Phòng) ngày 19/02/2009. Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống hạnh phúc đến khoảng năm 2018 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do tính tình vợ chồng không hợp, bất đồng về quan điểm sống, vợ chồng không có sự chia sẻ, động viên nên tình cảm ngày càng lạnh nhạt và dần mất đi. Vợ chồng đã ly thân, không ai còn quan tâm đến ai. Đến nay chị xác định tình cảm vợ chồng không còn, đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn anh L. Vợ chồng có 02 con

chung là Đàm Thị Thanh T, sinh ngày 14/09/2010 và Đàm Tùng L1, sinh ngày 01/06/2016. Hiện nay, chị không ở Việt Nam nên chị đề nghị Tòa án hỏi ý kiến của các con về việc ở với ai nếu bố mẹ ly hôn và chị tôn trọng quan điểm của các con. Trường hợp các con đều xin ở với bố, chị hoàn toàn nhất trí và sẽ cấp dưỡng nuôi con 2.000.000đ/tháng/01 con cho đến khi các con đủ 18 tuổi. Nếu anh L tự nguyện không yêu cầu chị thực hiện nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con, chị tôn trọng ý kiến của anh ấy. Chị sẽ tự gửi tiền cho các con chị để đảm bảo cuộc sống cho các con. Trường hợp nếu một hoặc hai con xin ở với chị và anh L nhất trí chị sẽ tôn trọng ý kiến của các con. Nếu được trực tiếp nuôi con, chị tự nguyện không yêu cầu anh L thực hiện nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung. Về tài sản chung, nợ chung chị không yêu cầu Tòa án giải quyết. Chị xin vắng mặt tại phiên tòa xét xử vụ án.

Tại bản tự khai, bị đơn anh Đàm Văn L trình bày: Về thời gian và điều kiện kết hôn thống nhất như chị P trình bày. Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống hạnh phúc một thời gian đến khi chị P đi làm ăn xa nên tình cảm vợ chồng không còn. Chị P xin ly hôn, anh đồng ý. Vợ chồng có 02 con chung thống nhất như chị P trình bày, anh đề nghị giao cả hai con cho anh chăm sóc, nuôi dưỡng, chị P tự nguyện cấp dưỡng nuôi con 2.000.000đ/tháng/1 con, anh đồng ý. Vợ chồng không có tài sản chung. Anh xin vắng mặt tại phiên tòa.

Tại văn bản trình bày ý kiến của cháu Đàm Thị Thanh T và Đàm Tùng L1 thể hiện: Hai cháu có nguyện vọng được ở cùng anh L khi bố mẹ ly hôn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra công khai tại phiên tòa, trên cơ sở xem xét đầy đủ, toàn diện chứng cứ, ý kiến của các đương sự, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Anh L đăng ký hộ khẩu thường trú tại phường P, thành phố Hải Phòng. Do vậy vụ án thuộc thẩm quyền của Tòa án nhân dân khu vực 8 – Hải Phòng. Các đương sự đều đề nghị xét xử vắng mặt do vậy, Hội đồng xét xử quyết định xét xử vắng mặt các đương sự theo quy định tại Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 227, Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 35 Bộ luật tố tụng dân sự 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2025), khoản 1 Điều 4 Nghị quyết số 81/2025/UBTVQH15 ngày 27/6/2025 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

[2] Về nội dung:

[2.1] Về quan hệ hôn nhân: Chị P, anh L được tự do tìm hiểu và có đăng ký kết hôn theo quy định. Do vậy, quan hệ hôn nhân của anh chị là hợp pháp. Lời khai chị P, anh L thể hiện quá trình chung sống vợ chồng hạnh phúc đến khoảng năm 2018 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân do tính tình vợ chồng không hợp, quan điểm sống bất đồng, vợ chồng xa cách, không có sự tin tưởng, yêu thương, quan tâm, chăm sóc nhau. Chị P, anh L đều xác định tình cảm vợ

chồng không còn. Chị P xin ly hôn, anh L đồng ý. Do vậy cần xử cho chị P ly hôn anh L là phù hợp quy định tại Điều 56 Luật Hôn nhân gia đình.

[2.2] Về con chung: Vợ chồng có hai con chung là Đàm Thị Thanh T, sinh ngày 14/09/2010 và cháu Đàm Tùng L1, sinh ngày 01/06/2016. Hiện nay, anh L là người trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng con chung. Anh L đề nghị giao cả hai con cho anh L chăm sóc, nuôi dưỡng, chị P tự nguyện cấp dưỡng nuôi con 2.000.000đ/tháng/1 con, anh L đồng ý. Hai cháu đều có nguyện vọng được ở cùng bố khi bố mẹ ly hôn. Do vậy cần giao cả hai con cho anh L tiếp tục trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng. Chị P có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con là 2.000.000đ/tháng/1 con cho đến khi các con chung đủ 18 tuổi. Chị P được quyền thăm nom, chăm sóc con chung không ai được cản trở là phù hợp quy định tại Điều 81, 82, 83, 110, 116, 117 Luật Hôn nhân gia đình.

[2.3] Về tài sản chung, nợ chung, công sức đóng góp cho gia đình hai bên: Chị P, anh L không yêu cầu Tòa án giải quyết do vậy HĐXX không xem xét giải quyết.

[2.4] Về án phí: Chị P xin ly hôn và có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con nên phải chịu án phí sơ thẩm ly hôn và án phí do có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con theo quy định tại điểm a mục 5, điểm a mục 6 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ: Điều 51, 56, 81, 82, 83, 110, 116, 117 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, Điều 271, Điều 273, Điều 479 Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 35 Bộ luật tố tụng dân sự 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2025); khoản 1 Điều 4 Nghị quyết số 81/2025/UBTVQH15 ngày 27/6/2025 của Ủy ban thường vụ Quốc hội; Luật phí và lệ phí số 97/2015/QH 13 ngày 25/11/2015; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Tăng Thị P.

- Về quan hệ hôn nhân: Xử cho chị Tăng Thị Phương ly H1 anh Đàm Văn L.

- Về nuôi con chung: Giao cho anh Đàm Văn L tiếp tục trực tiếp, chăm sóc, nuôi dưỡng con chung Đàm Thị Thanh T, sinh ngày 14/09/2010 và Đàm Tùng L1, sinh ngày 01/06/2016, chị P có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con

2.000.000đ/tháng/1 con cho đến khi con chung đủ 18 tuổi. Chị P có quyền thăm nom, chăm sóc con chung không ai được ngăn cản.

Kể từ ngày anh L có đơn yêu cầu thi hành án đối với khoản tiền trên, nếu chị P chậm trả tiền thì phải trả lãi đối với số tiền chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả tại thời điểm thanh toán theo quy định tại Điều 357, Điều 468 BLDS.

2. Về án phí: Buộc chị Tăng Thị P phải chịu 300.000 đồng án phí sơ thẩm Hôn nhân và gia đình nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí chị P đã nộp theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số: 0006779 ngày 02/6//2026 của Thi hành án dân sự thành phố Hải Phòng. Chị P đã thực hiện xong nghĩa vụ về án phí ly hôn sơ thẩm. Chị P phải chịu 300.000đ án phí do có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con.

3. Về quyền kháng cáo: Chị Tăng Thị P có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 01 tháng, anh Đàm Văn L có quyền kháng cáo 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày bản án được niêm yết.

Trường hợp Bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6,7 và 9 Luật thi hành án dân sự, thời hiệu yêu cầu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- VKSND khu vực 8 – Hải Phòng;
- Phòng THADS khu vực 8 – Hải Phòng;
- Các đương sự;
- UBND P. Thạch Khôi, Hải Phòng (ĐKKH ngày 19/02/2009);
- Lưu hồ sơ, VP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Trần Thị Nhan